CNTT

BỘ Y TẾ **BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TW**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 704 /BVNTTW	*Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2025*

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Nội tiết Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở xây dựng giá các gói thầu tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Nội tiết trung ương. Địa chỉ: Đường Nguyễn Bồ - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đ/c Tống Nguyên Sơn - Phòng Công nghệ thông tin.

3. Các thức tiếp nhận báo giá: Tiếp nhận báo giá theo cách thức sau:

- Bản in báo giá và các tài liệu kèm theo gửi trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Tầng 3 nhà A Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Đường Nguyễn Bồ - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 23/05/2025 đến 09 giờ ngày 30/05/2025.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày gửi báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa và yêu cầu tính năng kỹ thuật chi tiết như Phụ lục 1 kèm theo (Các đơn vị có thể chào giá một hoặc nhiều danh mục).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Hàng hóa bàn giao, lắp đặt, đào tạo và hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương cơ sở Tứ Hiệp: Đường Nguyễn Bồ, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Yêu cầu về hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

Scanned with CamScanner

- Báo giá (Theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm).

Rất mong được sự hợp tác của Quý vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,CNTT

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TRUNG ƯƠNG

Phan Hoàng Hiệp

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU TÍNH NĂNG KỸ THUẬT

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 704 /BVNTTW ngày 23 tháng 5 năm 2025)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật yêu cầu
1	Thiết bị tường lửa lớp ngoài (license 3 năm)	Chiếc	2	Thông lượng Firewall (Appmix hoặc Enterprise Mix): ≥ 8 Gbps Thông lượng Threat Prevention/Protection (Appmix hoặc Enterprise Mix): ≥ 4.5 Gbps Thông lượng IPSec VPN: ≥ 4 Gbps Số lượng kết nối đồng thời (Concurrent sessions/connections): ≥ 900,000 Số lượng kết nối mới/giây (New sessions/connections per second): ≥ 100,000 Tổng số CPU Core: ≥ 8 core Số lượng Firewall ảo hóa (Virtual System) có sẵn/tối đa: ≥ 1/6 Dung lượng ổ cứng lưu trữ: ≥ 120 GB SSD Nguồn điện: ≥ 02 (Redundant Power Supply) Cổng Console Micro USB: ≥ 01 * Tính năng: - Tính năng của thiết bị: + Mô hình triển khai L2, L3, Tap, Transparent + Hỗ trợ các giao thức Multicast: PIM-SM, PIM-SSM, IGMP v1, v2, and v3 + Hỗ trợ các giao thức định tuyến: OSPFv2/v3, BGP, RIP, Static routing + Có tính năng chặn các kết nối SSL không an toàn: certificate hết hạn, không tin cậy, giới hạn các chuẩn mã hóa + Có Machine Learning engine ngay trên Firewall để ngăn chặn các loại mã độc - Tính năng bảo mật: Advanced Threat Prevention: + Có tính năng vulnerability protection/IPS trên thiết bị đề xuất, đồng thời với antivirus và anti-spyware + Có thể ngăn chặn việc khai thác điểm yếu đã biết (known vulnerability), các loại mã độc (malware), ra

Scanned with CamScanner

				lệnh và điều khiển (command and control (C2)), có thể ngăn chặn Cobalt Strike + Bản quyền 3 năm tính năng bảo mât: Advanced Threat Prevention subscription, for one (1) device in an HA pair, 3 years (36 months) - Tính năng bảo mật: Advanced URL Filtering: + Bản quyền 3 năm tính năng bảo mât: Advanced URL Filtering subscription, for one (1) device in an HA pair, 3 years (36 months) * Support: - Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ: + Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật thời hạn ≥ 03 năm
2	SAN Storage	Chiếc	1	'- Kích thước (Size): ≥ 2U Rack - Bộ điều khiển (Controller): + Có sẵn 2x Bộ điều khiển (controller) hoạt động song song và cho phép thay thế nóng. + Cấu hình Bộ điều khiển chi tiết: - Bộ vi xử lý: ≥ Dual Core 2.2Ghz - Memory: ≥ 8Gb/controller - Vi xử lý (Processor): Intel® Xeon Processor - Bộ nhớ (Memory): Bộ nhớ cho mỗi bộ điều khiển: ≥ 8GB cho controller và ≥16GB cho cache (Tổng:≥ 24GB) - Cổng giao tiếp (Front-End Protocol): + Hỗ trợ các giao thức FC 16/32Gb, iSCSI 10/25Gb hoặc SAS 12Gbps + Hỗ trợ tối đa 8 cổng kết nối trên cùng hệ thống Yêu cầu: + Có sẵn ≥ 8x 32Gb FC + Có sẵn ≥ 8 x SFP+, FC32, 32GB + Có sẵn ≥ 8 x Dell Networking Cable, OM4 LC/LC Fiber Cable, (Optics required), 2 Meter - IOPS: ≥ 640K - Cổng mở rộng (Back-end Protocol): Loại giao thức 12Gbps - Khả năng lưu trữ (Storage Capability): + Hỗ trợ số lượng ổ cứng tối đa: 276 ổ cứng. + Có thể hỗ trợ All Flash, Hybrid hoặc All HDD. Yêu cầu ổ cứng: + ≥ 24 x 1.92TB SSD SAS Read Intensive up to 24Gbps 512e 2.5in Hot-Plug 1WPD, AG Drive

Scanned with CamScanner

				+ ≥ 24 x 2.4TB 10K RPM SAS 12Gbps 512e 2.5in Hot-plug Hard Drive - Tính năng Tối ưu dữ liệu: Hỗ trợ các chức năng sau: + Auto-Tiering + Hỗ trợ các loại RAID: 0, 1, 5, 6, 10, 50 hoặc ADAPT (Distributed RAID) cho phép kết hợp bất kỳ loại RAID nào trên cùng một Array. + Tính năng Thin Provisioning kích hoạt trên tất cả Volumes một cách mặc định. + Tính năng Snapshots hỗ trợ tối đa 1024 bản chụp trên một Array. - Khay đĩa mở rộng (Expansion): + Hỗ trợ các loại khay đĩa mở rộng + Có thể hỗ trợ nhiều loại khay đĩa mở rộng cùng một lúc. - Mã hóa dữ liệu (Encryption): + Hỗ trợ ổ cứng tự mã hóa loại SSD hoặc HDD + Hỗ trợ chuẩn FIPS 140-2 mức độ 2 - Đồng bộ và di chuyển dữ liệu (Data Mobility and Migration): + Có sẵn tính năng đồng bộ dữ liệu với các tủ đĩa khác cùng loại. + Có thể hỗ trợ cơ chế đồng bộ theo kiểu một - đồng bộ tới nhiều hoặc nhiều thiết bị đồng bộ tới một thiết bị. - Hỗ trợ Hệ điều hành (OS): + Hỗ trợ các loại Hệ điều hành: + Microsoft Windows Servers, + RedHat Enterprise Linux, + VMware, + SLES + Citrix XenServer - Quản trị (Management): + Hỗ trợ Vmware vCenter plug in, Redfish/Swordfish REST API - Dịch vụ Bảo hành (Warranty): + Tối thiểu 3 năm dịch vụ hỗ trợ và tư vấn trực tuyến 24x7. + Hỗ trợ thay thế linh kiện (sau khi xác định được lỗi) tận nơi vào ngày làm việc tiếp theo (Mức bảo hành chuyên nghiệp của nhà sản xuất).

Scanned with CamScanner

3	SAN Switch	Chiếc	1	'Kích thước: Rackmount ≥ 1U Số cổng kết nối quang: + Hỗ trợ tối đa ≥ 24x cổng quang tốc độ ≥ 32Gbps SFPs. + Yêu cầu: thiết bị ≥ 24 cổng quang, back-to-front or front-to-back airflow, 2 PSU (incl ≥ 24x32Gb SFPs and rack mount kit) - Hiệu năng hoạt động: Các SFP 32Gbps có thể hoạt động ở tốc độ 32, 16 hoặc 8Gbps; - Bộ đệm khung dữ liệu: Lên tới 2K được phân bổ tự động - Băng thông tổng hợp: ≥ 768 Gbps - Lớp dịch vụ: Class 2, Class 3, Class F - Các loại cổng Fibre Channel: ≥ E, F and B - Tính năng sẵn có: + Hot-swappable, dual redundant power supplies, fan tray and SFPs; Redundant AC Input; Non-disruptive firmware upgrades; Per-VSAN Fabric Services + Any port configuration for PortChannels PortChannel for Inter-Switch Link (ISL) resiliency; Fabric-based multi-pathing; F-port Trunking, Port tracking, online diagnostics + FEC with HBA ports - Quản trị: Data Center Network Manager (DCNM) - Nguồn cung cấp: ≥ 650W with 180-240 VAC input; 2 per maximum per switch - Dịch vụ Bảo hành: + Tối thiểu 3 năm dịch vụ hỗ trợ và tư vấn trực tuyến 24x7. Hỗ trợ thay thế linh kiện <sau khi xác định được lỗi> tận nơi vào ngày làm việc tiếp theo. <Mức bảo hành chuyên nghiệp của nhà sản xuất>. + Yêu cầu: Hỗ trợ nâng cao và Dịch vụ tại chỗ ≥ 36 tháng
4	Thiết bị lưu trữ NAS	Chiếc	1	'Loại khung: Rack ≥ 2U Khay ổ cứng: ≥ 12-bay CPU: ≥ quad-core xung nhịp ≥ 3.35Ghz/ Turbo ≥ 3.6Ghz Memory: ≥ 8GB DDR4 Dung lượng ổ cứng: ≥ 192 TB Khả năng mở rộng tối đa với thiết bị lắp thêm: ≥ 192TB Khe cắm External Ports: USB 3.0 , Expansion Port , PCIe 3.0 - Mạng lan: Có tối thiểu + ≥ 02 LAN: 1GbE hoặc 2.5GbE

Scanned with CamScanner

				+ ≥ 02 SFP+: 10GbE - Bảo hành: ≥ 36 tháng
5	Cloud backup	Tháng	36	Dung lượng: ≥ 10.000 GB / 1 tháng Các tính năng: - Có công nghệ nén dữ liệu sao lưu tiên tiến, - Hỗ trợ cảnh báo qua email, - Hỗ trợ quản trị xác thực 2 bước MFA,... - Thời gian lưu trữ: trọn đời theo thời gian dịch vụ - Lập lịch tự động, - Có tối thiểu các loại mã hóa dữ liệu theo các giao thức: MD5, AES 256 - Bảo hành: ≥ 36 tháng
6	Máy in vòng tay nội trú	Chiếc	25	Máy in nhãn để bàn, kết hợp di động Sử dụng nhãn in RD. Tốc độ in tối đa : ≥ 152.4mm/s. Độ dài khổ in : ≥ 1m. Khổ nhãn in tối đa: ≥ 63mm. Chế độ Cắt :Tùy chọn. Kết nối PC qua cổng USB/ Network. Pin sạc & Adapter. Bảo hành ≥ 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
7	Máy tính bảng	Chiếc	100	- Màn hình: + Kích thước màn hình: ≥ 11 inches, Liquid Retina hoặc tương đương + Độ phân giải: ≥ 2360 x 1640 pixel + Tính năng màn hình: * Màn hình Multi-Touch với công nghệ LED nền và IPS * True Tone * Độ sáng ≥ 500 nit * Lớp phủ kháng dầu chống in dấu vân tay - Chipset (CPU): ≥ Chip A16 5 nhân hoặc tương đương - Dung lượng lưu trữ: ≥ 128GB - Hệ điều hành: iPadOS18 trở lên - Cổng kết nối: Type-C - Dung lượng Pin: ≥ 28,93 Wh - Hỗ trợ sạc tối đa: ≥ 20W - Kết nối Wi-Fi: + Wi-Fi 6 (802.11ax) với 2x2 MIMO

Scanned with CamScanner

				+ Bluetooth v5.3 - Camera: + ≥ 12MP góc rộng, khẩu độ ≥ $f/1.8$ + Toàn cảnh Panorama: ≥ 63MP + Quay chậm (Slow Motion) + Công nghệ HDR thông minh + Gắn thẻ địa lý + Tua nhanh thời gian (Time lapse) + Tự động lấy nét (AF) + Zoom kỹ thuật số - Phụ kiện kèm theo: + Cáp sạc USB-C + Sạc USB-C: ≥20W + Apple Pencil (USB-C) + Hỗ trợ Apple Pencil (thế hệ thứ 1) - Bảo hành chính hãng: ≥12 tháng

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 704 /BVNTTW ngày 23 tháng 5 năm 2025)

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nội tiết Trung ương, chúng tôi …… *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các…. hàng hóa/dịch vụ như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa/dịch vụ

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất(3) (Nếu có)	Mã HS(4) (Nếu có)	Năm sản xuất(5) (Nếu có)	Hạn sử dụng từ ngày sản xuất (Tháng)	Xuất xứ(6) (Nếu có)	Số lượng/khối lượng(7)	Thông số kỹ thuật(8)	Đơn vị tính	Đơn giá(9) (VND) Đã bao gồm VAT	Thành tiền(10) (VND)
1											
2											
n	...										
Tổng cộng (bao gồm thuế VAT)											
Số tiền bằng chữ:											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của danh mục báo giá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Scanned with CamScanner

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các danh mục nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(11)

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa/dịch vụ theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Hàng hóa/dịch vụ" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa/dịch vụ 9 (nếu có) tương ứng với chủng loại hàng hóa/dịch vụ ghi tại cột "Danh mục hàng hóa/dịch vụ".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hàng hóa/dịch vụ (nếu có).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa/dịch vụ (nếu có).

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từnghàng hóa/dịch vụ.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa/dịch vụ. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa/dịch vụ (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Scanned with CamScanner